

**PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)**

Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged): 31/05/2024

Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No): 1127/24/CBNP-LA

Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

**GIÁM ĐỐC**  
Huỳnh Minh Phúc



**PHIẾU CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM**

**TEMPLATE FOR NOTIFICATION OF COSMETIC PRODUCT**

Đánh dấu vào ô thích hợp (Tick where applicable)

**THÔNG TIN SẢN PHẨM**

**PARTICULARS OF PRODUCT**

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product):

1.1. Nhãn hàng (Brand)

T	H	E		C	O	C	O	O	N		O	R	I	G	I	N	A	L		V	I	E	T	N	A	M

1.2. Tên sản phẩm (Product Name)

N	Ú	Ớ	C		S	E	N		H	Ậ	U		G	I	A	N	G									

1.3. Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân, ....)

*Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc)*

Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hóa học)

*Face masks (with the exception of chemical peeling products)*

Chất phủ màu (lóng, nhũ, bột)

*Tinted bases (liquids, pastes, powders)*

Phần trang điểm, phần dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,....

*Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.*

Xà phòng rửa tay, xà phòng khử mùi,.....

*Toilet soaps, deodorant soaps, etc*

Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,....

*Perfumes, toilet waters and eau de Cologne*

Sản phẩm để tắm (muối, sữa, xà phòng, dầu, gel,....)

*Bath or shower preparations (salts, lotions, foams, soaps, oils, gels, etc)*

